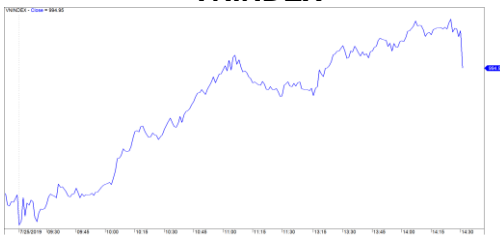


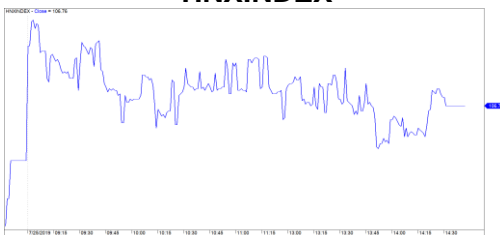
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	994.95	106.76	59.34
% ngày	0.66%	0.30%	0.19%
% tuần	1.94%	0.02%	3.34%
% tháng	3.63%	2.51%	7.50%
% năm	7.26%	3.07%	18.85%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,261	371	486
TB 1 tuần	4,053	429	436
TB 1 tháng	3,789	403	314
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	543.34	15.34	26.12
Bán	503.58	21.07	32.80
Giá trị ròng	39.76	-5.73	-6.68
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	149	69	204
Mã Giảm	140	79	124
Không Đổi	100	219	564
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.88	9.66	19.19
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,340	192	1,006
LS Cổ tức	1.69%	3.02%	6.71%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

**VNINDEX**



**HNIINDEX**



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên giao dịch khá tích cực về điểm số lẫn thanh khoản. VN-Index chốt phiên tăng 0.66% dừng tại mức 994.95 điểm. Chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận khi tăng 0.3% dừng tại 106.76 điểm, chỉ số Upcom-Index tăng 0.19% neo tại 59.34 điểm. Giá trị giao dịch tiếp tục duy trì ở mức khá khi đạt 4,081 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Tương tự các phiên gần đây, dòng tiền có xu hướng tập trung vào nhóm Large-Cap. Đóng góp chính vào đà tăng của VN-Index trong phiên là cổ phiếu họ Vingroup khi VIC, VHM, VRE đều tăng khá mạnh và chỉ chịu giảm phong độ lúc đóng cửa để tăng lần lượt là 1%, 2% và 0.4%. VIC như kỳ vọng tạo đỉnh cao lịch sử mới tại 125,100 đồng/cp. HPG cũng nổi bật khi tăng 3.9% với thanh khoản hơn 9 triệu đơn vị trong đó dòng tiền khối ngoại đang quay trở lại khi mua ròng cổ phiếu trong 2 phiên gần đây. Ngoài ra, BID(2.2%), PNJ(2%), GAS(1.2%), SAB(2%), HBC(2.5%) cũng có mức tăng đáng chú ý. Nhóm Mid-Cap và Small-Cap tăng yếu hơn và có dấu hiệu phân hóa mạnh hơn. DQC(6.9%), CMG(2.3%), TGG(6.9%), HBC(2.5%), DIG(2.2%)...là những mã giao dịch tích cực trong khi HVH(-6.9%), BFC(-2.9%), BWE(-2.5%), CTI(-1.3%), BMI(-1.7%)...giao dịch yếu hơn thị trường chung.

Khối ngoại tiếp tục nổi dài chuỗi mua ròng với giá trị hơn 27 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, HPG(56 tỷ), VHM(56 tỷ), CTD(15 tỷ) là các mã được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, VIC(61 tỷ), STB(33 tỷ), VNM(26 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ kiểm định lại mức 1,000 điểm trong phiên kế tiếp. Điểm tiêu cực là độ rộng thị trường không tích cực và đà tăng của thị trường phụ thuộc phần lớn ở nhóm cổ phiếu Largecaps, đặc biệt mức độ biến động của thị trường có dấu hiệu giảm dần cho thấy khả năng vượt mức cản tâm lý 1,000 điểm là rất khó trong ngắn hạn. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu thay đổi không đáng kể cho thấy cơ hội giải ngân mới khá thấp và động lực tăng điểm của thị trường khá yếu trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số với mức hỗ trợ ở mức 974.42 điểm của chỉ số VN-Index và 105.88 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục cơ cấu lại danh mục và nên tập trung vào nhóm cổ phiếu Largecaps, nhưng cần hạn chế mua đuổi do áp lực chốt lời có dấu hiệu gia tăng khi chỉ số VN-Index tiến về sát mức kháng cự tâm lý 1,000 điểm.

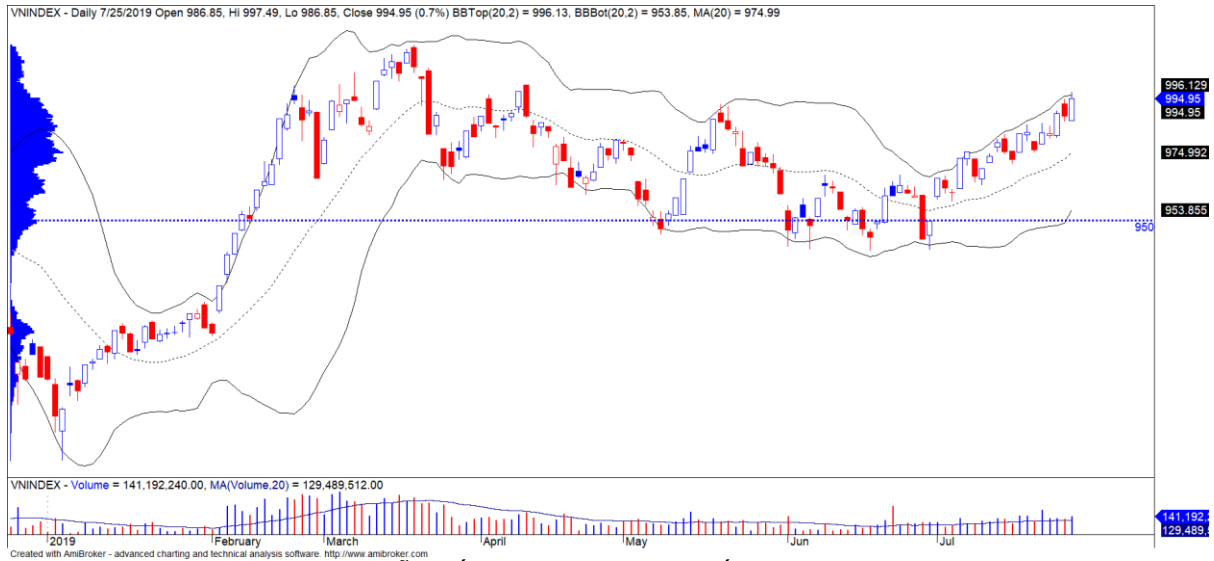
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 46% cổ phiếu/54% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

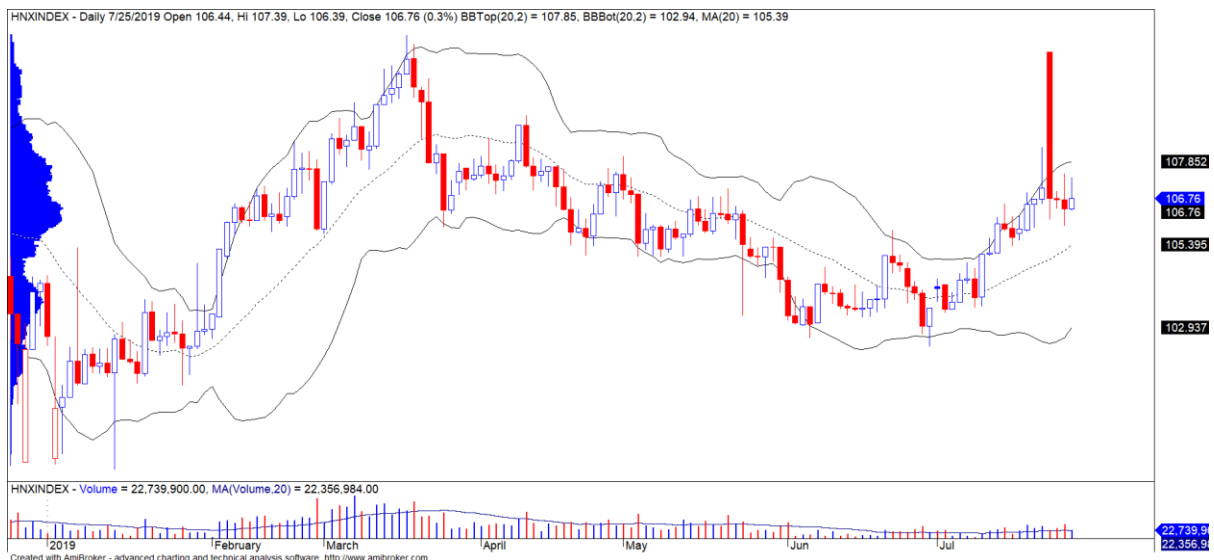


We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	108	110	105	101
Chỉ số VN30	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>TĂNG</b>	<b>TĂNG</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>TĂNG</b>	835	845	822	804



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.95	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	1.88%		16.85	17.01	12.46%	
ACB	23.70	GIẢM	GIẢM		24.81				31.45		
ACV	82.00	GIẢM	TĂNG		85.58			90.00	81.77	-8.89%	
ANV	26.80	GIẢM	GIẢM		27.92				30.56		
ASM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BFC	16.50	GIẢM	GIẢM		18.02				20.57		
BID	35.20	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	7.81%		33.40	31.23	5.39%	
BMP	49.50	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	11.24%		48.30	41.68	2.48%	
BSR	11.40	GIẢM	GIẢM		11.64				13.94		
BVH	84.80	GIẢM	GIẢM		87.73				85.11		
BWE	27.60	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	6.77%		20.00	25.15	38.00%	
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM		11.10				11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CMG	40.90	TĂNG	TĂNG	37.80	36.75	8.20%		23.20	32.95	76.29%	
CMX	26.50	TĂNG	TĂNG	23.75	24.20	11.58%		5.91	21.62	348.39%	
CSM	14.50	GIẢM	TĂNG		15.13			14.39	14.22	0.76%	
CTD	113.00	TĂNG	TĂNG	102.00	106.22	10.78%			112.01		
CTG	21.25	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	0.95%			22.80		
CTI	22.50	GIẢM	GIẢM	23.80	22.66	-4.78%	BÁN		25.04		
CTR	41.00	TĂNG	N/A	28.80	36.17	42.36%		-	3.77		
CVT	20.15	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	4.68%		20.35	17.62	-0.98%	
DCM	7.99	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-6.00%			8.64		
DGC	31.70	TĂNG	TĂNG	31.30	30.47	1.28%			31.31		
DGW	23.60	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	8.01%		23.50	23.12	0.43%	MUA
DHA	36.00	TĂNG	TĂNG	32.25	34.73	11.63%		29.10	32.44	23.71%	
DHC	35.00	GIẢM	TĂNG		35.97			35.20	33.00	-0.57%	
DHG	101.50	GIẢM	GIẢM		105.77				114.77		
DIG	13.90	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-1.42%			14.54		
DPG	41.20	TĂNG	TĂNG	39.40	38.57	4.57%		40.02	34.78	2.95%	
DPM	14.90	GIẢM	GIẢM		15.59				17.40		
DPR	43.80	GIẢM	TĂNG		44.48			42.50	40.21	3.06%	
DQC	19.35	TĂNG	GIẢM	18.60	17.61	4.03%			20.46		
DRC	19.35	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	-0.26%			20.88		
DXG	18.35	GIẢM	GIẢM		19.55				20.75		
EIB	17.85	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	21.43%	

We Create Fortune

FCN	13.90	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-10.32%		16.05	13.18	-13.40%	
FMC	30.00	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.63%			30.62		
FPT	48.65	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.63%		46.00	43.49	5.76%	
GAS	108.00	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-0.83%			113.06		
GEX	22.60	TĂNG	GIẢM	22.20	21.07	1.80%			23.15		
GIL	26.00	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-4.76%			29.06		
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-2.03%			27.99		
GTN	17.85	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.37	19.00%	
GVR	14.90	TĂNG	GIẢM	13.50	13.67	10.37%			N/A		
HAG	5.21	GIẢM	GIẢM		5.52				5.62		
HAX	18.80	GIẢM	TĂNG		19.80			15.75	15.59	19.37%	
HBC	14.60	GIẢM	GIẢM		14.92				17.48		
HCM	22.25	GIẢM	GIẢM		23.80				26.60		
HDB	26.15	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.25%			28.59		
HDC	16.25	TĂNG	TĂNG	15.25	15.22	6.56%		15.25	13.47	6.56%	
HDG	36.90	TĂNG	TĂNG	32.70	34.79	12.84%		35.30	34.59	4.53%	MUA
HNG	18.15	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	15.24%		17.10	16.59	6.14%	
HPG	22.40	TĂNG	GIẢM	22.40	21.81	0.00%	MUA		24.51		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.70%		9.30	7.01	-19.35%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.76%	
HUT	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVN	42.80	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	9.74%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	7.69%		15.35	13.54	0.33%	
KDH	21.60	GIẢM	GIẢM		22.79				24.76		
KSB	21.45	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LCG	10.40	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.48%			11.44		
LDG	8.12	GIẢM	GIẢM		8.51				9.57		
LHG	18.00	GIẢM	TĂNG		18.95			19.30	17.20	-6.74%	
LPB	8.30	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-1.19%			8.51		
LSS	5.19	GIẢM	GIẢM		5.42				5.91		
MBB	22.40	TĂNG	TĂNG	21.30	22.06	5.16%		21.85	20.11	2.52%	
MPC	37.40	TĂNG	GIẢM	35.70	34.60	4.76%			40.20		
MSN	80.80	TĂNG	TĂNG	80.70	76.48	0.12%		89.00	80.74	-9.21%	BÁN
MSR	17.60	GIẢM	GIẢM		18.51				20.71		
MWG	107.90	TĂNG	TĂNG	88.30	104.46	22.20%		88.70	89.54	21.65%	
NDN	17.60	TĂNG	TĂNG	14.10	16.32	24.82%		13.70	14.40	28.47%	
NKG	6.08	GIẢM	GIẢM		6.34				7.23		
NLG	30.20	TĂNG	TĂNG	29.90	28.85	1.00%		28.70	27.83	5.23%	
NT2	25.60	GIẢM	GIẢM		26.58				28.99		

We Create Fortune

NTL	25.40	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	10.68%		10.45	22.09	143.06%	
NVL	58.50	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.20	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PAC	33.00	GIẢM	GIẢM		35.14				38.65		
PC1	17.80	GIẢM	GIẢM		18.74				20.49		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.75%		29.00	24.63	-8.79%	
PHR	68.80	TĂNG	TĂNG	61.20	65.98	12.42%		24.00	52.19	186.67%	
PLX	65.70	TĂNG	TĂNG	64.20	63.66	2.34%		62.40	58.43	5.29%	
PNJ	78.20	TĂNG	TĂNG	77.00	74.30	1.56%		104.00	72.83	-24.81%	
POW	14.15	GIẢM	TĂNG		14.67			15.70	13.92	-9.87%	
PVT	16.95	GIẢM	GIẢM		17.43				17.62		
PPC	27.55	GIẢM	GIẢM		29.24			19.70	27.86	41.43%	
PTB	69.40	GIẢM	TĂNG		69.97			64.00	64.57	8.44%	
PVB	20.50	TĂNG	TĂNG	20.20	19.32	1.49%		20.10	16.79	1.99%	
PVD	18.20	GIẢM	TĂNG		19.02			18.50	17.78	-1.62%	
PVI	37.40	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70		
PVS	22.80	GIẢM	TĂNG		23.91			21.10	21.47	8.06%	
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.70	5.56	0.00%	MUA	4.85	4.34	17.53%	
QNS	31.50	TĂNG	TĂNG	33.80	30.47	-6.80%		33.80	27.66	-6.80%	
REE	33.25	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	-0.23%	
SAB	283.00	GIẢM	TĂNG		289.12			245.00	259.03	15.51%	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%	
SCR	7.06	GIẢM	GIẢM		7.19				7.61		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.99	7.45	25.75%	
SJS	17.25	GIẢM	GIẢM		18.58			-	19.93		
SKG	11.75	GIẢM	GIẢM		12.22				12.61		
SSI	24.35	GIẢM	GIẢM		25.72				26.98		
STB	11.20	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	20.90	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-2.34%			22.88		
TCM	26.45	GIẢM	GIẢM		27.29				30.59		
TDH	9.05	GIẢM	GIẢM		9.67			11.65	9.17	-21.29%	
TLH	4.95	GIẢM	TĂNG		5.07			5.39	4.80	-8.16%	
TNG	20.60	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	4.57%		12.00	18.79	71.67%	
VCB	77.70	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	12.28%		62.00	66.21	25.32%	
VCG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	36.98%	
VCS	77.80	TĂNG	TĂNG	61.20	75.55	27.12%		68.00	61.40	14.41%	
VGC	20.50	TĂNG	GIẢM	20.50	19.79	0.02%			20.64		
VGT	10.00	GIẢM	GIẢM		10.38				11.88		
VHC	88.40	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	-1.23%			95.80		

We Create Fortune

VHM	87.50	TĂNG	GIẢM	81.00	82.81	8.02%			87.75		
VIB	19.10	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	12.35%		17.70	15.55	7.91%	
VIC	123.20	TĂNG	TĂNG	119.80	117.63	2.84%		112.00	108.25	10.00%	
VIP	5.45	GIẢM	GIẢM		5.74				5.95		
VJC	133.00	TĂNG	TĂNG	123.30	129.12	7.87%		124.50	120.45	6.83%	
VND	14.90	GIẢM	GIẢM		15.38				16.69		
VNG	19.35	GIẢM	GIẢM		20.12			21.50	20.58	-4.29%	
VNM	125.10	TĂNG	GIẢM	126.90	123.30	-1.42%			133.60		
VPB	18.80	GIẢM	GIẢM	18.60	19.04	2.38%	BÁN		19.82		
VPI	40.95	GIẢM	GIẢM		41.95				42.86		
VRC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.41				17.17		
VRE	37.50	TĂNG	TĂNG	35.75	35.85	4.90%		35.00	32.37	7.14%	
VSC	30.80	GIẢM	GIẢM	31.90	30.84	-3.33%	BÁN		34.25		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.70	GIẢM	GIẢM		24.81				31.45		
BID	35.20	TĂNG	TĂNG	32.65	34.15	7.81%		33.40	31.23	5.39%	
BSR	11.40	GIẢM	GIẢM		11.64				13.94		
BVH	84.80	GIẢM	GIẢM		87.73				85.11		
CTG	21.25	TĂNG	GIẢM	21.05	21.15	0.95%			22.80		
EIB	17.85	GIẢM	TĂNG		18.64			14.70	16.88	21.43%	
FPT	48.65	TĂNG	TĂNG	45.20	47.55	7.63%		41.00	43.49	18.67%	
GAS	108.00	TĂNG	GIẢM	108.90	103.53	-0.83%			113.06		
HDB	26.15	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-5.25%			28.59		
HNG	18.15	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	15.24%		17.10	16.59	6.14%	
HPG	22.40	TĂNG	GIẢM	22.40	21.81	0.00%	MUA		24.51		
HVN	42.80	GIẢM	TĂNG		43.75			39.00	38.75	9.74%	
KDH	21.60	GIẢM	GIẢM		22.79				24.76		
MBB	22.40	TĂNG	TĂNG	21.30	22.06	5.16%		21.27	20.11	5.31%	
MSN	80.80	TĂNG	TĂNG	80.70	76.48	0.12%		89.00	80.74	-9.21%	BÁN
MWG	107.90	TĂNG	TĂNG	88.30	104.46	22.20%		88.70	89.54	21.65%	
NVL	58.50	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	11.20	GIẢM	GIẢM		11.71				12.68		
PLX	65.70	TĂNG	N/A	64.20	63.66	2.34%		62.40	58.43	5.29%	
PNJ	78.20	TĂNG	TĂNG	77.00	74.30	1.56%		77.88	72.83	0.41%	



We Create Fortune

POW	14.15	GIẢM	TĂNG		14.67			15.70	13.92	-9.87%	
PVS	22.80	GIẢM	TĂNG		23.91			21.10	21.47	8.06%	
QNS	31.50	TĂNG	TĂNG	33.80	30.47	-6.80%		33.80	27.66	-6.80%	
REE	33.25	GIẢM	TĂNG		34.17			33.33	31.19	-0.23%	
ROS	27.80	GIẢM	TĂNG		28.83			34.80	27.33	-20.11%	
SSI	24.35	GIẢM	GIẢM		25.72				26.98		
STB	11.20	GIẢM	GIẢM		11.71				12.32		
TCB	20.90	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-2.34%			22.88		
TPB	23.00	GIẢM	GIẢM		23.56				N/A		
VCB	77.70	TĂNG	TĂNG	69.20	75.71	12.28%		62.00	66.21	25.32%	
VCG	26.30	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	42.62%	
VEA	64.00	TĂNG	GIẢM	62.10	60.01	3.06%			N/A		
VGI	30.80	TĂNG	GIẢM	29.50	28.01	4.41%			N/A		
VHM	87.50	TĂNG	GIẢM	81.00	82.81	8.02%			87.75		
VIB	19.10	TĂNG	TĂNG	17.00	17.84	12.35%		17.70	15.55	7.91%	
VIC	123.20	TĂNG	TĂNG	119.80	117.63	2.84%		112.00	108.25	10.00%	
VJC	133.00	TĂNG	TĂNG	123.30	129.12	7.87%		124.50	120.45	6.83%	
VNM	125.10	TĂNG	GIẢM	126.90	123.30	-1.42%			133.60		
VPB	18.80	GIẢM	GIẢM	18.60	19.04	2.38%	BÁN		19.82		
VRE	37.50	TĂNG	TĂNG	35.75	35.85	4.90%		34.00	32.37	10.31%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.95	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	1.88%		16.85	17.01	12.46%	
ANV	26.80	GIẢM	GIẢM		27.92				30.56		
ASM	6.90	GIẢM	GIẢM		7.09				7.78		
BMP	49.50	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	11.24%		48.30	41.68	2.48%	
BWE	27.60	TĂNG	TĂNG	25.85	27.42	6.77%		19.44	25.15	41.98%	
C4G	8.70	TĂNG	#N/A	8.70	8.47	0.00%	MUA	-	#N/A		
CEO	10.50	GIẢM	GIẢM		11.10				11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.69				23.94		
CRE	25.50	TĂNG	#N/A	25.55	24.67	-0.20%		-	#N/A		
CTI	22.50	GIẢM	GIẢM	23.80	22.66	-4.78%	BÁN		25.04		
CTR	41.00	TĂNG	#N/A	28.80	36.17	42.36%		-	#N/A		
DCM	7.99	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-6.00%			8.64		
DHC	35.00	GIẢM	TĂNG		35.97			35.20	33.00	-0.57%	



We Create Fortune

DIG	13.90	TĂNG	GIẢM	14.10	13.30	-1.42%			14.54		
DPM	14.90	GIẢM	GIẢM		15.59				17.40		
DRC	19.35	TĂNG	GIẢM	19.40	19.11	-0.26%			20.88		
DXG	18.35	GIẢM	GIẢM		19.55				20.75		
E1VFN30	14.79	TĂNG	GIẢM	14.59	14.46	1.37%			15.16		
FCN	13.90	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-10.32%		16.05	13.18	-13.40%	
FLC	4.12	GIẢM	GIẢM		4.30				4.63		
FTM	24.40	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	22.18	50.15%	
GEG	25.60	TĂNG	TĂNG	22.80	23.74	12.28%		12.90	20.50	98.45%	
GEX	22.60	TĂNG	GIẢM	22.20	21.07	1.80%			23.15		
GMD	26.55	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-2.03%			27.99		
GTN	17.85	GIẢM	TĂNG		18.34			15.00	16.37	19.00%	
GVR	14.90	TĂNG	#N/A	13.50	13.67	10.37%		-	#N/A		
HAG	5.21	GIẢM	GIẢM		5.52				5.62		
HBC	14.60	GIẢM	GIẢM		14.92				17.48		
HCM	22.25	GIẢM	GIẢM		23.80				26.60		
HDG	36.90	TĂNG	TĂNG	32.70	34.79	12.84%		35.30	34.59	4.53%	MUA
HPX	26.70	TĂNG	#N/A	26.60	25.79	0.38%		-	#N/A		
HSG	7.50	TĂNG	TĂNG	7.63	7.37	-1.70%		8.45	7.01	-11.27%	
HT1	15.80	GIẢM	TĂNG		16.22			14.80	15.47	6.76%	
IBC	21.30	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	1.91%		24.90	20.15	-14.46%	
IDI	7.17	GIẢM	GIẢM		7.47				8.38		
IJC	10.65	GIẢM	GIẢM		11.18				11.50		
ITA	3.08	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.77	-3.75%	
KBC	15.40	TĂNG	TĂNG	14.30	14.94	7.69%		15.35	13.54	0.33%	
KSB	21.45	GIẢM	GIẢM		22.42				25.36		
LDG	8.12	GIẢM	GIẢM		8.51				9.57		
LPB	8.30	TĂNG	GIẢM	8.40	7.97	-1.19%			8.51		
MBS	16.10	TĂNG	#N/A	16.10	14.83	0.00%	MUA	16.00	#N/A	#N/A	
MPC	37.40	TĂNG	GIẢM	35.70	34.60	4.76%			40.20		
NBB	21.90	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.45%		21.50	18.83	1.86%	
NKG	6.08	GIẢM	GIẢM		6.34				7.23		
NLG	30.20	TĂNG	TĂNG	29.90	28.85	1.00%		28.70	27.83	5.23%	
NT2	25.60	GIẢM	GIẢM		26.58				28.99		
NTC	187.90	TĂNG	#N/A	144.00	176.54	30.49%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.40	TĂNG	TĂNG	22.95	24.71	10.68%		9.33	22.09	172.20%	
NVB	8.00	GIẢM	GIẢM		8.35				9.16		
OGC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.15				4.75		

We Create Fortune

PC1	17.80	GIẢM	GIẢM		18.74			20.49		
PDR	26.45	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	9.75%		23.60	24.63	12.10%
PHR	68.80	TĂNG	TĂNG	61.20	65.98	12.42%		22.86	52.19	200.91%
PPC	27.55	GIẢM	GIẢM		29.24			17.42	27.86	59.93%
PTB	69.40	GIẢM	TĂNG		69.97			60.78	64.57	14.18%
PVD	18.20	GIẢM	TĂNG		19.02			18.50	17.78	-1.62%
PVI	37.40	GIẢM	GIẢM		37.62				39.70	
PVT	16.95	GIẢM	GIẢM		17.43				17.62	
QCG	4.41	TĂNG	GIẢM	4.62	4.31	-4.55%			5.32	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%
SBT	16.35	GIẢM	GIẢM		16.88				18.08	
SCR	7.06	GIẢM	GIẢM		7.19				7.61	
SHB	6.90	GIẢM	GIẢM		7.06				7.44	
SHS	9.20	GIẢM	GIẢM		9.93			12.10	9.22	-23.84%
SJS	17.25	GIẢM	GIẢM		18.58				19.93	
STK	23.50	GIẢM	TĂNG		24.57			17.00	21.12	38.24%
SZC	22.00	TĂNG	#N/A	20.45	21.48	7.58%		-	#N/A	
TCH	21.85	GIẢM	GIẢM		22.00				22.45	
TCM	26.45	GIẢM	GIẢM		27.29				30.59	
TNG	20.60	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	4.57%		12.00	18.79	71.67%
TTB	24.30	TĂNG	TĂNG	22.60	22.85	7.52%			24.16	
VCI	33.70	TĂNG	GIẢM	32.30	32.11	4.33%			35.72	
VGT	10.00	GIẢM	GIẢM		10.38				11.88	
VHC	88.40	TĂNG	GIẢM	89.50	88.29	-1.23%			95.80	
VND	14.90	GIẢM	GIẢM		15.38				16.69	
VNG	19.35	GIẢM	GIẢM		20.12			21.50	20.58	-4.29%
VPI	40.95	GIẢM	GIẢM		41.95				42.86	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.50	TĂNG	#N/A	9.40	9.29	1.06%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.36	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.69	9.27%	
AMD	1.78	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.19	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	8.12%		9.90	7.90	-7.17%	
ART	2.30	GIẢM	GIẢM		2.59				3.07		
BCC	8.60	GIẢM	TĂNG		9.06			7.70	7.66	11.69%	



We Create Fortune

BCG	5.60	GIẢM	TĂNG		5.78			6.39	5.41	-12.36%	
C69	19.50	TĂNG	TĂNG	8.80	18.53	121.59%		5.30	13.87	267.92%	
CCL	6.89	TĂNG	TĂNG	6.38	6.03	7.99%		3.46	4.89	99.13%	
CRC	16.70	TĂNG	GIẢM	15.05	15.15	10.96%			17.35		
CVT	20.15	TĂNG	TĂNG	19.25	19.91	4.68%		20.35	17.62	-0.98%	
DAG	7.09	TĂNG	TĂNG	6.55	6.59	8.24%			7.01		
DAH	12.90	GIẢM	TĂNG		14.36			4.66	9.18	176.58%	
DGW	23.60	TĂNG	TĂNG	21.85	22.69	8.01%		23.50	23.12	0.43%	MUA
DLG	1.56	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	6.70	GIẢM	GIẢM		7.24				7.76		
DTD	15.40	TĂNG	TĂNG	15.00	14.12	2.67%		12.90	10.80	19.38%	
EVG	2.90	TĂNG	GIẢM	2.87	2.82	1.05%			3.02		
FIT	3.38	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-7.14%	
GKM	15.10	GIẢM	TĂNG		15.41			11.42	14.95	32.17%	
HAH	13.70	TĂNG	TĂNG	12.80	12.69	7.03%		13.00	11.31	5.38%	
HAI	1.87	TĂNG	GIẢM	1.87	1.80	0.00%			1.93		
HAP	3.47	GIẢM	TĂNG		3.68			3.67	3.25	-5.45%	
HAR	3.51	GIẢM	GIẢM		3.99			3.71	3.65	-1.56%	
HCD	3.83	TĂNG	GIẢM	3.79	3.61	1.06%			4.34		
HDA	11.80	TĂNG	TĂNG	10.50	11.30	12.38%		11.30	10.27	4.42%	
HDC	16.25	TĂNG	TĂNG	15.25	15.22	6.56%		15.25	13.47	6.56%	
HHP	12.90	GIẢM	#N/A		14.64			-	#N/A		
HHS	3.28	GIẢM	GIẢM		3.44				3.69		
HII	11.15	GIẢM	GIẢM		11.71				13.42		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.53	GIẢM	GIẢM		7.84				9.64		
HUT	2.50	GIẢM	GIẢM		2.67				3.07		
HVG	3.15	GIẢM	GIẢM		3.48				4.67		
HVH	27.15	GIẢM	#N/A	26.15	27.98	7.01%	BÁN	-	#N/A		
JVC	2.83	TĂNG	GIẢM	2.97	2.80	-4.71%			3.23		
KLF	1.30	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.82	GIẢM	TĂNG		3.02			3.68	2.65	-23.37%	
LCG	10.40	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	-0.48%			11.44		
LGL	10.20	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	43.40%	
LHG	18.00	GIẢM	TĂNG		18.95			19.30	17.20	-6.74%	
LMH	18.25	TĂNG	#N/A	17.10	16.21	6.73%		-	#N/A		
MST	2.50	GIẢM	GIẢM		2.77				3.71		
NDN	17.60	TĂNG	TĂNG	14.10	16.32	24.82%		13.10	14.40	34.31%	
PHC	12.80	GIẢM	TĂNG		12.92			14.45	12.65	-11.42%	BÁN



We Create Fortune

PVB	20.50	TĂNG	TĂNG	20.20	19.32	1.49%		20.10	16.79	1.99%	
PVC	7.60	GIẢM	TĂNG		8.14			7.10	6.21	7.04%	
PXL	5.60	GIẢM	GIẢM		5.89				7.35		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.70	5.56	0.00%		4.85	4.34	17.53%	
QBS	3.16	GIẢM	GIẢM		3.36				3.36		
SFG	9.60	GIẢM	GIẢM		11.21				14.61		
SHI	8.79	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	4.77%		6.23	7.45	41.03%	
SJF	3.17	GIẢM	GIẢM		3.67				3.88		
SKG	11.75	GIẢM	GIẢM		12.22				12.61		
TDH	9.05	GIẢM	GIẢM		9.67			11.65	9.17	-21.29%	
TIG	3.30	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	3.12%	
TLD	5.20	GIẢM	GIẢM		5.51				6.07		
TLH	4.95	GIẢM	TĂNG		5.07			5.85	4.80	-15.38%	
TNI	11.25	TĂNG	GIẢM	11.10	10.19	1.35%			12.03		
TTF	3.12	GIẢM	TĂNG		3.31			3.99	3.03	-21.80%	
TTH	4.00	GIẢM	GIẢM		4.12				4.60		
TVB	20.10	TĂNG	TĂNG	17.40	18.65	15.52%			19.27		
TVC	14.20	TĂNG	TĂNG	12.50	13.29	13.60%			13.71		
VC3	22.70	GIẢM	TĂNG		23.24			22.00	21.35	3.18%	
VCR	15.70	GIẢM	GIẢM		21.37				32.17		
VNE	3.78	GIẢM	GIẢM		4.01			4.65	3.96	-14.88%	BÁN
VPG	20.70	GIẢM	TĂNG		21.86			20.46	19.34	1.20%	
VRC	14.85	GIẢM	GIẢM		15.41				17.17		
YBM	11.95	TĂNG	GIẢM	10.95	11.31	9.13%			12.17		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	994.95	0.66%
VN30	890.41	0.34%
VN Mid	968.94	0.14%
VN Small	816.96	0.42%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.76	0.30%
HN30	196.19	0.39%
VNX AllSh	867.79	0.40%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	59.34	0.19%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	543.34	
Bán	503.58	
GT rỗng	39.76	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.34	
Bán	21.07	
GT rỗng	-5.73	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	26.12	
Bán	32.80	
GT rỗng	-6.68	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SVC	2800	6.36%
TV2	8000	5.70%
HPG	850	3.94%
TCH	700	3.31%
DPG	1300	3.26%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MBS	1400	9.52%
DHT	1700	4.52%
NDN	500	2.92%
INN	1000	2.78%
SHB	100	1.47%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVF	600	8.33%
C4G	600	7.41%
CTR	1600	4.06%
BSR	400	3.64%
SDI	2800	3.58%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HVH	-2000	-6.86%
KOS	-1750	-6.39%
BWE	-700	-2.47%
PHR	-1700	-2.41%
DRC	-400	-2.03%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	-1700	-9.77%
DGC	-500	-1.55%
BCC	-100	-1.15%
SHS	-100	-1.08%
PVS	-200	-0.87%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	-700	-6.19%
HND	-600	-4.00%
SIP	-2000	-2.15%
WSB	-800	-1.59%
LPB	-100	-1.19%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	408,204	
VHM	287,388	
VCB	285,213	
VNM	218,719	
GAS	204,218	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,288	
VCS	12,230	
VCG	11,617	
PVS	10,993	
PVI	8,643	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	177,933	
VGI	91,253	
VEA	82,445	
GVR	59,100	
MCH	57,804	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	19,144,330	13,356,188
HPG	9,773,450	6,093,059
NKG	7,887,990	1,804,714
STB	5,858,050	3,464,900
DLG	5,524,927	2,775,150

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	2,465,600	3,132,212
ACB	2,117,782	1,454,938
SHB	1,688,419	4,728,804
CEO	1,681,030	842,261
MBS	1,593,050	189,762

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
GEG	3,510,145	730,985
BSR	2,469,220	1,326,429
GVR	1,995,230	1,294,604
VGI	1,535,292	825,435
PXL	1,227,130	312,652

Nguồn: Bloomberg & YSVN

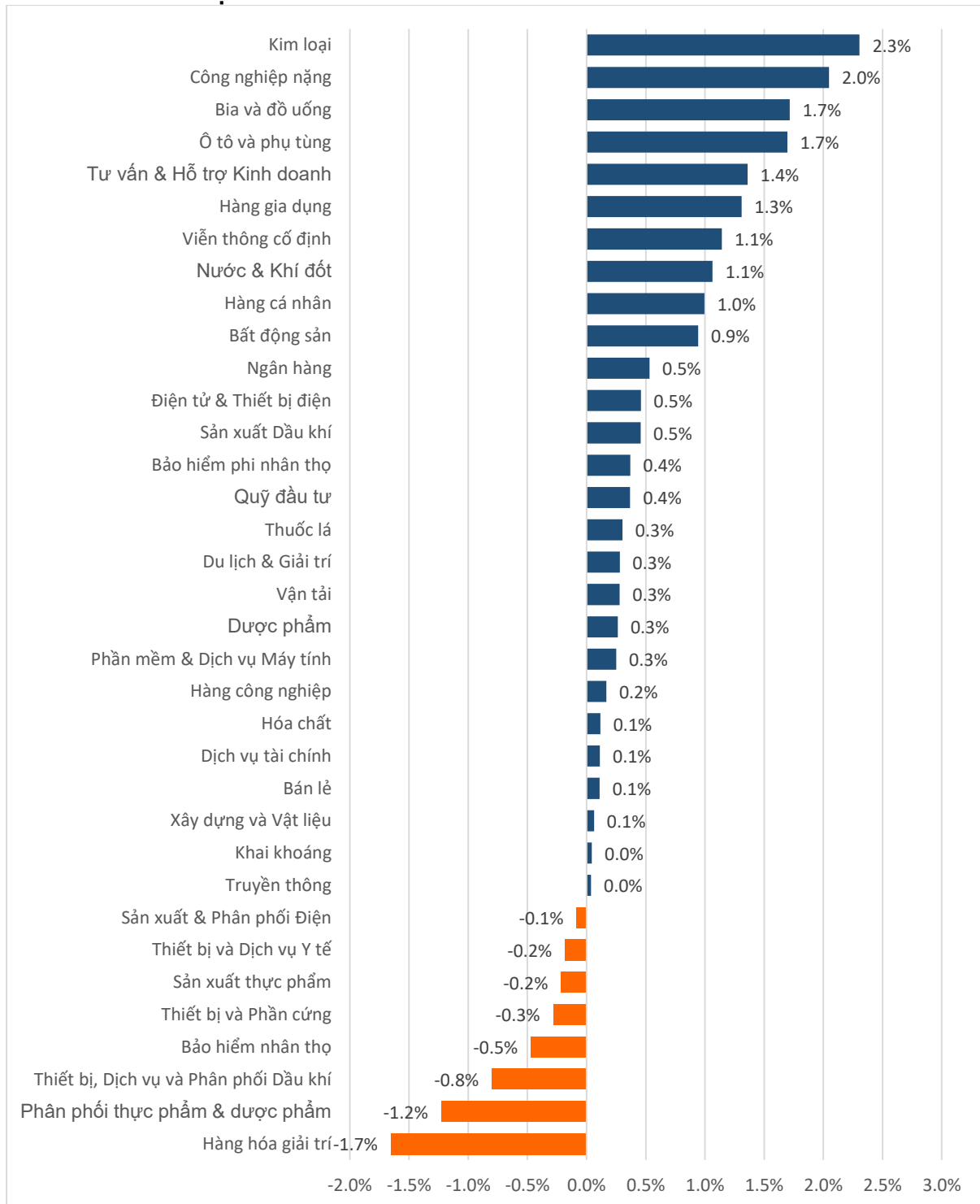
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



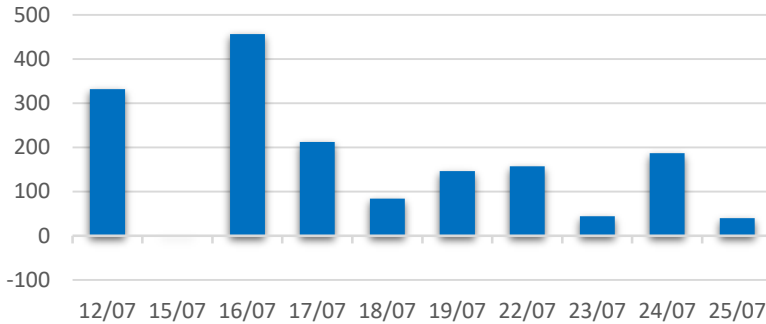
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

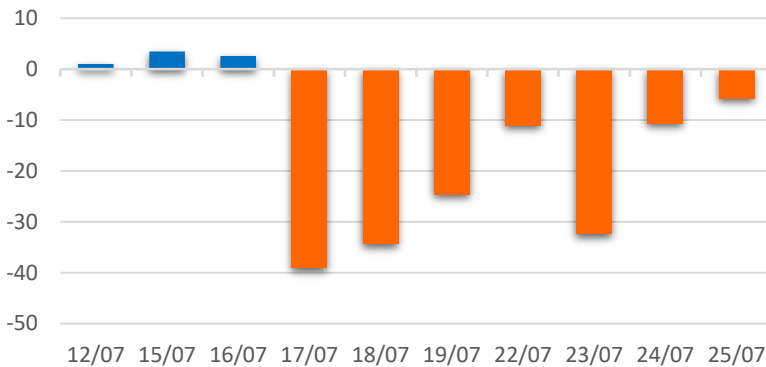
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HPG	56,089	VIC	61,282
VHM	55,826	STB	33,275
CTD	15,350	VNM	25,939
VRE	14,834	KDH	13,515
GAS	13,998	VJC	9,249

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX

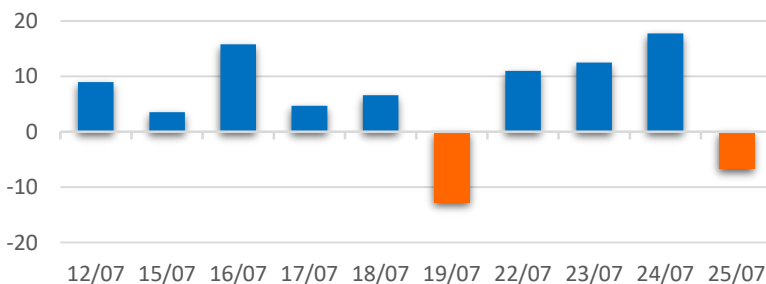


Error! Not a valid link.

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,551	DAE	2,827
AMV	917	CEO	2,644
TIG	306	SHS	2,197
DGC	275	VGS	1,156
TNG	171	VCS	379

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	8,344	VEA	16,174
QNS	3,730	ACV	2,034
CTR	1,984	WSB	2,000
KDF	797	VGI	1,422
GVR	476	VTP	652

Error! Not a valid link.

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



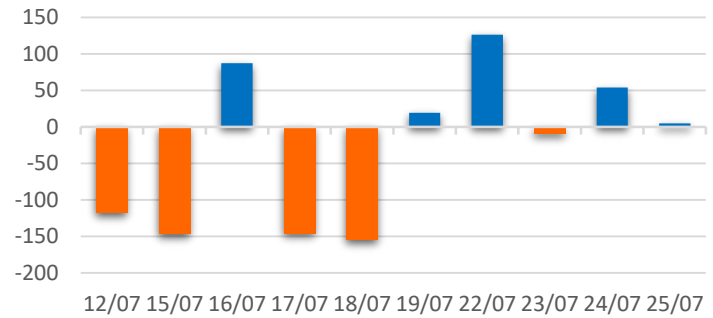
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

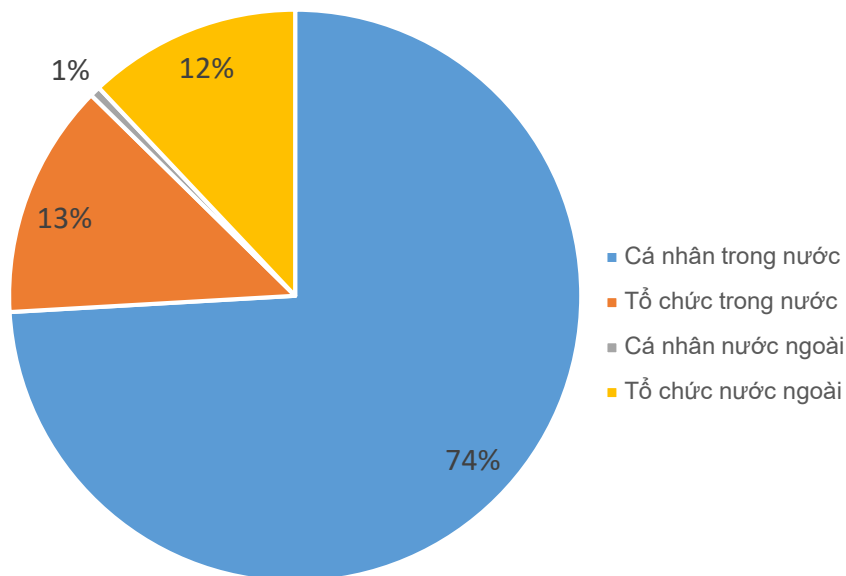
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>E1VFN30</b>	14,348	<b>HPG</b>	5,428
<b>KDH</b>	8,675	<b>DHC</b>	2,819
<b>MWG</b>	7,931	<b>MWG</b>	1,526
<b>HPG</b>	7,379	<b>NLG</b>	1,408
<b>VPB</b>	3,866	<b>VIC</b>	1,056

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

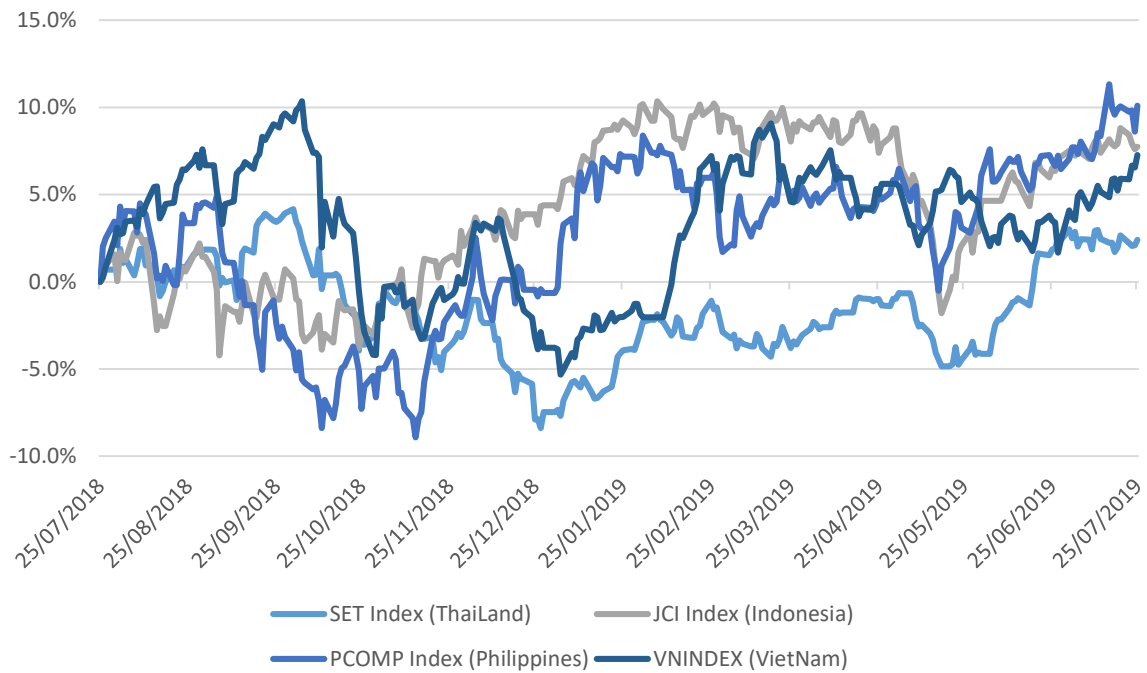


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

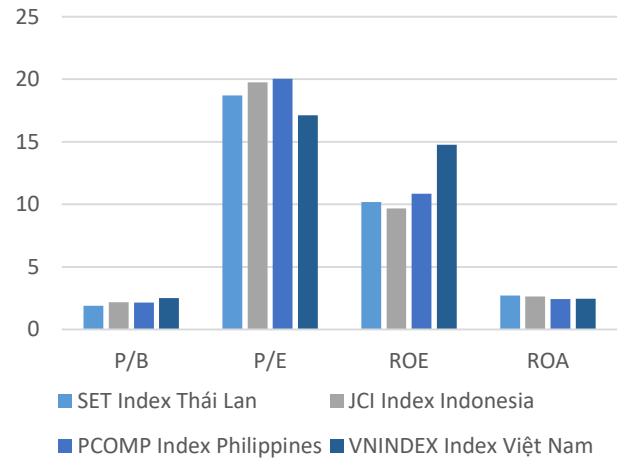
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		18.7x	19.7x	19.8x	17.0x
ROE	%	10.19	9.67	10.84	14.76
ROA	%	2.70	2.63	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	571.63	526.43	202.27	143.66
GTGD	Triệu USD	1.65	0.45	0.09	0.13
LS cổ tức	%	2.99	2.44	1.61	1.72

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written